

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 272, NĂM THỨ 22

THÁNG 3-2017



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Vài đặc tính của đạo Phật</u>	<i>BBT</i>	3
<u>Hành Thiền vô điều kiện</u>	<i>Theo Hương class</i>	4
<u>Mây đô duyên lành</u>	<i>Huyền Lam</i>	12
<u>Thiền Tứ Niệm Xứ: Vài lời cùng bạn đọc</u>	<i>Thích Trí Siêu</i>	19
<u>Những hiểu lầm về Đạo Phật</u>	<i>Minh Đức Triều Tâm Ảnh</i>	22
<u>Thơ : Đánh rớt</u>	<i>Phổ Đồng</i>	25
<u>Pháp Cú 322</u>	<i>HT. Thích Minh Châu</i>	25
<u>Sự kiện cần phải quan sát</u>	<i>HT. Thích Minh Châu</i>	26
<u>Sự hồi sinh của Phật Giáo Ấn Độ</u>	<i>HT. Thích Trí Quảng</i>	28
<u>Hư Hư Lục: Mối dây thân ái</u>	<i>Thích Nữ Như Thủy</i>	31
<u>Anh sẽ về thăm phố cũ</u>	<i>Tuệ sỹ</i>	31

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Vài đặc tính của Đạo Phật

*

Nói về đặc tính của đạo Phật có thể nêu ra hai đặc tính chủ yếu, đó là Từ Bi và Trí Tuệ.

Từ Bi là ban vui, cứu khổ cho nên trong các giới cấm của đạo Phật có cấm sát sanh, bởi vì giết hại một sinh mệnh, tức là làm cho sinh mệnh đó phải khổ đau, vì vậy mà trong năm giới cấm cơ bản, phổ quát của người Phật tử có cấm sát sanh.

Bất cứ nơi đâu, lúc nào khi chiến tranh xảy ra, người ta bị giết hại rất nhiều. Do vậy khi người Hồi giáo đánh chiếm Ấn độ vào thế kỷ XIII, người dân Ấn Độ đã bị quân Hồi giáo tàn sát, họ giết hại tu sĩ, đập phá chùa chiền, tu viện Phật giáo, làm cho Phật giáo Ấn độ đã bị diệt vong ngay trên mảnh đất phát sinh ra đạo Phật.

Do lòng Từ Bi, người Phật tử Ấn đã không chống lại quân xâm lăng, đó là lý do chính dẫn đến Phật giáo Ấn Độ bị suy vong. Cho đến cuối thế kỷ 20 Phật giáo Ấn Độ mới được hồi sinh nhờ có luồng gió Tây Phương hỗ trợ.

Đạo Phật là đạo Trí Tuệ, cho nên ngày nay nhiều nhà trí thức Tây Phương tìm đến Phật giáo để học hỏi.

Đạo Phật có tánh cách tự do, người theo đạo Phật không nhất thiết phải tuân theo giáo điều một cách triệt để, toàn diện.

Người tu theo đạo Phật là tu tâm sửa tánh của chính mình, có kỷ luật quyết tâm sẽ mau chóng thành đạt, thiếu sự kiên nhẫn, sẽ không có tiến bộ, không đem lại lợi ích cho bản thân.

Cũng do đạo Phật có tự do, nên đạo Phật có nhiều tông phái, mỗi tông phái có phương pháp tu riêng biệt, tất cả đều nhắm tới mục đích giải thoát luân hồi. Trên thế giới có ba tông phái chính là Nam tông, Bắc Tông và Mật Tông. Bắc Tông lại chia ra Thiên Tông, Tịnh Độ Tông, Mật Tông.

Thiên Tông lại chia ra làm nhiều tông phái như Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Lâm Tế, Liễu Quán ...

Sự tự do của đạo Phật làm cho công cuộc truyền bá thuận lợi, nhưng về mặt tổ chức, Phật giáo không thể thống nhất thành một khối vững mạnh.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Hành thiền vô điều kiện. Trải nghiệm thiền tự nhiên

Theo Hương class

Từ nhà riêng đến khóa thiền, thiền viện và làng thiền

Đó là vào 07/2014, tôi đang hành thiền tại thiền viện Shwe Oo Min, ở ngoại ô thủ đô Rangoon. Chỉ còn khoảng vài tuần nữa trước khi kết thúc chuyến đi đã kéo dài hơn hai tháng tại Miến Điện thì xảy ra một trải nghiệm lạ lùng. Trong một buổi thiền, một vị sư áo đỏ hiện ra và nhắn tôi gặp thiền sư Ashin Tejaniya để chia sẻ với ngài một điều. Thiền sư Ashin Tejaniya dạy rằng vạn vật là đối tượng, còn nhà sư áo đỏ dạy tôi rằng hãy để mọi đối tượng mất đi. Rõ ràng đây không phải giấc mơ, vì năng lượng của vị sư áo đỏ quá mạnh, làm tôi tràn ngập hạnh phúc cả ngày hôm đó, mặc dù lúc đó tôi chưa biết ngài, cũng không hiểu thông điệp của ngài.

Nghe chuyện này, cô học trò đã rủ tôi qua thiền viện Shwe Oo Min đưa ngay cho tôi một cuốn sách của một thiền sư Miến Điện, ngài Ottamasara. Cô bé, đã đi nhiều thiền viện Phật giáo nguyên thủy nói với tôi rằng cuốn sách đến với mình như một cái duyên dưới một sự dẫn dắt.

Tư tưởng của Ottamasara rất căn bản, trùng hợp với những điều tôi đã trải qua, đã nghiền ngẫm, đã viết, đang giảng dạy và đang tư vấn. Là người đọc và viết khá nhiều, ấn tượng của tôi về cuốn sách thực bình thường. Thậm chí tôi cho rằng không phải ai cũng hiểu cách viết của Ottamasara, nếu họ thiếu trải nghiệm hoặc cần một cách diễn giải khác. (Sau này đọc nguyên bản tiếng Anh những bài chép các buổi nói chuyện của thầy bởi những người ở bên Ottamasara nhiều năm, tôi thấy rằng chúng chứa một sự thấu hiểu sâu sắc hơn hẳn bản dịch tiếng Việt tôi được đọc ngày ấy)

Cũng cô học trò này đã giúp tôi đến với khóa thiền Vipassana 10 ngày đầu tiên với thầy Goenka vào tháng 09/2013. Tôi cũng đã có những trải nghiệm

vô cùng sâu sắc trong khóa thiền này. Tôi phát hiện ra căn nguyên tiền kiếp khi quan sát cơn đau bụng. Tôi hiểu ra quy luật tâm thức đằng sau pháp thiền này. Vào buổi thiền cuối cùng, khi mọi người được yêu cầu rải tâm từ, tôi chưa kịp làm gì thì đã thấy một luồng năng lượng ập tới, thế là tôi khóc nức nở. Bước ra khỏi thiền đường, tôi thấy những luồng hào quang lớn của vài tinh thần vĩ đại xuất hiện sừng sững trong không gian ngay trước mắt tôi.

Trước đó một vài năm tôi chỉ tự thực hành thiền tại nhà riêng. Tôi có rất nhiều trải nghiệm từ tuyệt diệu đến chán nản. Tôi hoàn toàn không hiểu chuyện gì thực sự xảy ra trong khóa thiền Vipassana đó. Chỉ biết rằng một tuần sau đó, tôi đã nộp đơn thôi việc để chuyên tâm vào giảng dạy tâm linh.

Tháng 08/2014 như một lời mời, ai đó lại đặt một bản giới thiệu về ngôi làng Thabarwa của thiền sư Ottamasara ngay trước cửa phòng tôi. Chính cô học trò này đã nhìn thấy, nhặt lên và chuyển nó lại cho tôi. Tôi đọc nhưng lý trí vẫn tiếp tục cưỡng lại việc đi đến ngôi làng.

Tôi đã tham gia các khóa tu thiền của Phật giáo nguyên thủy theo dẫn dắt của tâm thức thiền trong các buổi hành thiền một mình hoặc tập thể. Trong những giờ thiền cuối cùng tại Shwe Oo Min, thông điệp tâm thức về việc cần gặp Ottamasara trở nên rất rõ nét. Tôi thực lòng vẫn muốn đến các thiền viện nơi dạy những kỹ thuật chưa biết hoặc khác biệt. Tôi vốn là người thích trải nghiệm phong phú, có thể dẫn đến sự thay đổi trong nhận thức. Tôi không hề biết rằng “đổi thay” chính là điểm chốt trong phương pháp của Ottamasara mà chỉ khi nào đã ở trong luồng chảy đó, không phải khi nghe giảng pháp hay đọc sách, tôi mới ngộ.

Thabarwa

Ngay khi, tôi quyết định đi Thabarwa, ngài quản lý của Shwe Oo Min đã nhờ người bên đó đón tôi và

sắp xếp chỗ ăn ở, một thiền sinh cùng trường cho tôi tiền, hai người Myanmar thuê xe và dẫn tôi đến đó. Thế là tôi có mặt ở ngôi làng Thabarwa vào một ngày đầu tháng 08/2014.

Đó là một ngôi làng với khoảng 26 nghìn cư dân và hơn một trăm tình nguyện viên. Người nghèo, người già, người bị bệnh nan y, người ngoài lề xã hội đến đó để được cung cấp nơi định cư. Dân làng đều nghe giảng pháp qua hệ thống loa đài hoặc tại phòng thiền chung của ngôi làng, nơi Ottamasara thiền và giảng pháp hàng ngày. Phần lớn người dân hành thiền tại nhà riêng hoặc khu ở của mình vì chỗ đó xa phòng thiền trung tâm, hoặc vì họ vẫn phải lao động kiếm sống cả ngày hoặc là họ quá yếu mệt.

Ở Thabarwa, có khoảng một trăm người quan tâm đến mô hình cộng đồng tâm linh và thiện nguyện đến đó ở thường xuyên để giúp đỡ thiện nguyện.

Việc đầu tiên của tôi khi đến Thabarwa là lấy hết tiền trong ví ra để cúng dường. Tôi chẳng còn một xu dính túi trước khi đi đến nơi này, số tiền tôi có là do một thiền sinh khác cho tôi vô điều kiện, nên tôi lại cho đi vô điều kiện. Tôi biết mình sẽ được cung cấp nơi ở, thức ăn, thậm chí được đưa ra sân bay miễn phí. Tất cả những gì tôi hay bất kỳ người khách xa lạ nào được hưởng miễn phí ở đây đều là nhờ tiền cúng dường và lao động tình nguyện.

Ở Myanmar có rất nhiều thiền viện và hành thiền rất được coi trọng. Theo truyền thống Phật giáo ở quốc gia này, thiền sinh được ăn ở miễn phí tại thiền viện, nơi họ sẽ hành thiền nhiều ca thường từ 4h sáng đến 8, 9h tối, trong nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm. Thiền sinh chỉ thiền, thiền và thiền mà thôi. Việc chuẩn bị đồ ăn, những điều kiện sinh hoạt căn bản đều do tình nguyện viên thực hiện dựa trên đóng góp thiện nguyện.

Tuy nhiên, người hành thiền chủ yếu là người đã xuất gia hoặc cư sĩ không có nhiều vương bận gia đình và mưu sinh. Người nghèo, người bệnh và người ngoài lề xã hội không được hưởng lợi ích của tu tập thông qua nghe pháp và hành thiền bởi vì họ phải đầu tắt mặt tối với miếng cơm, manh áo, con cái và bệnh tật.

Thabarwa khác xa với những trung tâm thiền của Myanmar và khắp nơi trên thế giới. Ottamasara đi xa hơn rất nhiều so với phần lớn thiền sư Miến Điện khi sẵn sàng cung cấp nơi ăn, chốn ở và một môi trường hành thiền vô điều kiện bất kỳ ai đến với ông để hỏi xin sự giúp đỡ, chứ không phải xin thiền.

Ngài Ottamasara

Cách đây nhiều năm, Ottamasara khi đó là một ông chủ đã được thức tỉnh tâm linh sau khi tham gia một số khóa thiền. Nhận thức được vấn đề của các thiền viện và của xã hội Myanmar, Ottamasara đã chủ động tìm đến từng nhà dân bình thường và gặp gỡ những người ngoài lề xã hội để hướng dẫn thiền và giảng pháp. Từ bỏ toàn bộ hoạt động kinh doanh và cuộc sống đời thường, ông dành hết tiền và thời gian cá nhân để đi chỗ này đến chỗ khác giúp đỡ những đối tượng không có chỗ trong các thiền viện ở một đất nước tràn ngập thiền viện miễn phí.

Ông đưa ra nguyên lý giúp đỡ và hành thiện không ngừng, không chấp vào bất kỳ thời gian, nơi chốn, phương pháp, đối tượng nào và ông đi đầu trong việc thực hành nguyên lý đó.

Càng ngày càng có nhiều người muốn bỏ chỗ ở, bỏ công việc, bỏ tài sản, đi theo ông để được nghe giảng pháp và thiền, hoặc giúp đỡ ông nhưng ông không có địa điểm cho họ. Để tiếp nhận những đối tượng này, trường thiền đầu tiên nằm trong một tòa nhà văn phòng ở thủ đô Rangoon được thành lập và sau đó là ngôi làng Thabarwa.

Những đối tượng như người nghèo, đến mức chẳng có nhà cửa và công việc, người mắc bệnh nan y, rất nặng như HIV hay bại liệt, và cả tệ nạn xã hội như nghiện ngập, trộm cắp, người bị gia đình bỏ rơi, trong đủ mọi tình trạng từ già yếu sắp chết ... là cư dân chính của ngôi làng đông hàng vạn người này.

Đông thứ hai nhưng thực chất chỉ có khoảng trăm người là đội ngũ tình nguyện viên, tự nguyện đến ở và làm việc tại ngôi làng. Họ cũng sinh hoạt trong những điều kiện kiểu phòng trọ tập thể, chật, tối, bẩn và đơn giản đến khó hiểu với người Việt Nam.

Bản thân Ottamasara cũng chia sẻ tất cả những điều kiện sinh hoạt với những người ông giúp. Ông

không trầm mặc hay béo tốt như nhiều thiên sư khác, mà gầy còm, viêm họng thường xuyên và bận túi bụi.

Hành thiện để xin chỗ ở

Thật hiếm hoi ở Myanmar và có lẽ trên toàn thế giới, có ai đó như Ottamasara đứng lên tuyên bố và thực hiện chính xác nguyên tắc rằng tất cả mọi người đều sẽ được giúp đỡ. Ai đến với khu làng đều được sắp xếp chỗ ở, hỗ trợ việc ăn uống, khuyến khích hành thiện và nghe pháp hàng ngày, không với bất kỳ chi phí nào. Thế thì đương nhiên người đổ đến xin được giúp sẽ đông như kiến.

Nhà ở tại Thabarwa được cung cấp cho những người nghèo khổ và bệnh tật tới xin một chỗ nương thân, vô điều kiện, nói đúng hơn là chỉ với một điều kiện rằng người xin được cấp chỗ ở tại ngôi làng cần có mặt để hành thiện và nghe pháp trong vòng 7 ngày ở phòng thiền chung của làng.

Phòng thiền chung là một công trình xây dựng hai tầng kiên cố, có mái tôn, nhưng không có tường bao, với sức chứa khoảng vài trăm người. Dân của khu làng đến thiền ở tầng trên, còn tầng trệt dành cho những người đến xin cấp chỗ ở tại làng. Tầng trệt chẳng có gì ngoài hai cái cầu thang lớn dẫn lên tầng trên, nên trông giống như một cái hầm trống. Cảnh sinh hoạt trong 7 ngày đầu tiên của những người nghèo dưới chân hai chiếc cầu thang này khiến tôi liên tưởng tới một khu ổ chuột dưới gầm cầu. Những cặp vợ chồng quần áo rất bẩn thiu, hầu hết với trẻ nhỏ túm tụm với nhau. Thật khó mà biết là họ đang ăn, ngủ, hay thiền trên những manh chiếu được rải ra tạm bợ và la liệt trên sàn si măng ẩm và bẩn trong mùa mưa Myanmar. Không có bất kỳ ai dạy cho họ thiền như thế nào và cũng chẳng ai hỏi họ kết quả thiền ra sao.

Rất nhiều người nghèo khổ đến với Ottamasara vì họ biết chắc chắn ông không bao giờ từ chối giúp đỡ. Người bị bệnh nan y như AIDS hay người sắp chết được đưa đến đây bởi chính những người thân vô cảm của họ hay người lạ trông thấy họ động lòng thương cảm đều được ở lại Thewabar, vô điều kiện. Rất nhiều người vô gia cư hoặc có những chỗ ở tạm bợ, thậm chí bán nhà đang ở đi để xin được định cư

tại Thabarwa đều được tiếp nhận. Có người đến xin đất làm nhà rồi lại bán đất đi lấy để lấy tiền, nhưng Ottamasara chỉ đến gặp và giảng pháp cho họ nghe.

Phần lớn người nghèo và gia đình nghèo đến với Ottamasara ban đầu chỉ để có nơi ở và cái ăn. Pháp và thiền là những khái niệm xa lạ. Nhưng sự đổi thay của họ cũng như sự phát triển của ngôi làng là một sự thật quá rõ nét. Hàng vạn người đã được đổi nhà, đổi việc và đổi cả tâm tính nhờ sống trong môi trường mà hành thiện và hành thiện trở thành sinh hoạt hàng ngày như ăn và ngủ.

Đây có lẽ là nơi hành thiện tập thể âm ỹ nhất, đông nhất, bản nhất nhưng mà kỳ diệu nhất mà tôi từng đến. Ở đó chấp ngã của lý trí tan chảy, dưới sức nóng của trái tim nhân ái và hành động giúp đỡ lẫn nhau.

Anh chàng Mexico

Một trong những người đầu tiên tôi gặp ở ngôi làng này là một anh chàng Mexico cao kều, đang dọn đồ ra khỏi phòng. Để có chỗ ở cho chúng tôi, anh phải chuyển khỏi nhà khách của làng Thabarwa để đến khu khác có điều kiện kém hơn. Vợ được cô nàng vừa nói tiếng Anh vừa ngo ngác, anh chàng rất vui mừng. Tưởng chỉ chào nhau một câu, thế mà anh chàng dừng lại ba hoa với tôi hơn một giờ. Rồi ngày nào sau khi rời phòng thiền, tôi cũng thấy anh ấy đợi sẵn, để kể cho tôi về trải nghiệm của anh ấy với việc hành thiện tại Thabarwa. Không khí ở làng thiền này quả khác xa với trung tâm thiền khác của Myanmar nơi mọi người được yêu cầu giữ yên lặng tương đối hoặc tuyệt đối.

Anh bảo tôi rằng mình là kẻ nghiện ngập và mê phụ nữ. Anh ấy đi du lịch khắp nơi và ở đâu anh ấy cũng chỉ quan tâm đến phụ nữ. Trước chuyến đi này, anh ở Thái Lan trong ngôi nhà của một người phụ nữ quen qua mạng internet. Bà ấy mời anh ta đến du lịch Thái Lan, và ở lại nhà mình thay cho khách sạn, để thử yêu nhau xem sao. Rất nhanh, chàng Mexico trẻ thấy mình không hợp với bà Thái Lan già, và thế là anh ta dứt áo ra đi.

Ở miền nam Thái Lan, anh chàng gặp mấy cô gái Hàn Quốc trẻ và thú vị hơn nhiều. Các cô lại rủ anh

chàng đi chơi, anh ta thích lắm nhưng trực trặc làm sao mà không đi được. Có một bức tượng Phật ở trong một ngôi chùa tại Bangkok, gần nhà người phụ nữ già, dường như gây ra một ấn tượng kỳ lạ gì đó với anh chàng.

Anh ta cứ nghĩ mãi đến đức Phật và loay hoay một hồi thì thấy mình ở Myanmar. Tại sân bay Rangoon, anh ấy được cho địa chỉ của một thiền viện. Giống như một người nước ngoài đến trung tâm thiền để du lịch trải nghiệm, anh ta gọi điện đến thiền viện nhưng bị từ chối.

Sau đó anh có địa chỉ của Thabarwa, nơi không từ chối bất kỳ ai. Và thế là anh có mặt ở đây.

Thiền đi, trải nghiệm đi, hành động đi

Trước khi qua Myanmar, anh ta chưa thiền bao giờ. Tại Mexico, anh được vài người bạn rủ đến một trung tâm thiền kiểu Tây Tạng. Anh ngại ngùng vì thấy mình quá xấu xa để đến cái nơi thanh tịnh và thân bí đó. Anh chưa quan tâm đến thiền, nên cứ lần lữa mãi.

Anh chàng Mexico đến gặp Ottamasara. Ngài này bảo anh “thiền đi, trải nghiệm đi, hành động đi”. Thế là anh bắt đầu ngồi thiền. Ngày đầu tiên, chân đau và người mỏi. Anh đến gặp thiền sư. Vị ấy lắng nghe rất chăm chú rồi lại bảo anh “thiền đi, trải nghiệm đi, hành động đi”. Hôm sau anh lại đến gặp thiền sư kể về những vấn đề khác. Vị ấy lại lắng nghe chăm chú và lại nói “thiền đi, trải nghiệm đi, hành động đi”. Anh lại tiếp tục. Cứ như thế vài lần nữa.

Tại phòng thiền, những người chăm chú làm việc của mình, mặc kệ người khác là cư dân của Thabarwa. Những người vừa thiền vừa mở mắt ra nhìn khung cảnh lộn xộn xung quanh hoặc hỏi han về cách hành thiền do cảm giác bị bỏ mặc, là người mới đến, thường là bị sốc trước một môi trường thiền quá khác với kỳ vọng. Anh chàng Mexico nhanh chóng thấy mình là thành viên của Thabarwa.

Anh không quan tâm phải thiền thế này hay thế khác nữa. Anh đã biết rằng thiền sư, thiền sinh và

những người nghèo ngồi la liệt ở tầng trệt của phòng thiền chung, chẳng ai quan tâm phải thiền theo phương pháp cụ thể thế nào. Thế mà họ vẫn thiền được thì vì sao anh phải quan tâm.

Anh chàng cứ đi qua hết trải nghiệm này đến trải nghiệm khác như chân đau, lưng mỏi, buồn ngủ, muốn mở mắt, buồn chán, hứng thú, suy nghĩ vẩn vơ, chẳng nghĩ ngợi gì ... Mỗi lần định dừng thiền hay chán nản thì anh lại nhớ câu nói của Ottamasara “thiền đi, trải nghiệm đi, hành động đi”. Và anh lại tiếp tục.

Một phần của anh bắt đầu quan sát trải nghiệm của mình và suy tư về chúng, mặc dù một phần khác vẫn cứ tiếp tục đủ thứ đau, mỏi, vui buồn và nghĩ suy. Có một sự biết, sự hiểu càng ngày càng sâu đến một cách tự nhiên sau các trải nghiệm càng ngày càng nhiều lên. Có một sự lắng đọng vào bên trong khi anh quan sát và suy ngẫm về chính mình.

Anh bỗng nhìn nhận lại cả quãng đời đã qua với đầy các sự kiện - tuổi thơ, mẹ cha, học hành, công việc, yêu đương, du lịch ... Trước đây, anh chưa bao giờ đặt câu hỏi về cuộc sống của cá nhân, đơn giản chỉ mê mãi chạy theo nó. Bây giờ anh thấy anh không thực sự hiểu cuộc sống của mình, anh cũng không thực sự yêu thích nó. Anh muốn thay đổi.

Lúc mới đến Thabarwa anh nghĩ mình sẽ chỉ ở đó ngó chơi vài ngày. Nhưng anh đã ở lại một tuần và anh hủy toàn bộ kế hoạch du lịch của mình, với ý định sẽ ở lại đây một tháng.

Hành thiền và hành thiện là việc cần thiết. Phương pháp và Niết Bàn, khi cản trở việc hành thiền và hành thiện, chỉ là tên gọi của những ham muốn bản ngã gắn với nơi chốn và cách thức.

Anh nói với tôi rằng anh cảm ơn Ottamasara rất nhiều. Với anh, vị thầy này là đức Phật. Nhờ người thầy dạy không dạy, mà anh chàng học mà không học được thiền mà không thiền hàng ngày. Nếu gặp phải thầy khác, chắc hẳn anh sẽ không bao giờ hành thiền mà chỉ nhét thêm vài khái niệm hay kỳ vọng vào đầu mà thôi.

Thực hành buông bỏ

Khẩu hiệu ở Thabarwa là làm cái ta cần, không phải cái ta muốn, mà đã không có ham muốn, thì cũng không còn mối quan tâm về nơi chốn, cách thức, đối tượng, tên gọi, ... Mọi người ở đó đều thực hành khẩu hiệu đó thông qua việc hành thiện và giúp đỡ lẫn nhau trong bất kỳ điều kiện nào. Dân làng được Ottamasara hướng dẫn rằng hành thiện và hành thiện liên tục không ngừng, không nghỉ là cách tu tốt nhất. Họ làm theo vì niềm tin, và vì thấy kết quả rõ nét ở người đi trước.

Bây giờ ngày nào anh chàng Mexico cũng tham gia đủ mọi hoạt động của khu làng, liên tục quan sát và liên tục xoay sở mà không hỏi làm thế nào nữa. Một ngày anh chặn tôi lại để kể về trải nghiệm đi bát, nghĩa là cùng đoàn tu sỹ của Thabarwa đi khất thực theo truyền thống của Myanmar. Anh cầm bát và bước đi y hệt như những vị tăng khác trong đoàn và rất ngạc nhiên khi không nhận được chút thức ăn nào. Nhận ra sự bối rối và lo lắng của anh khi cố gắng bắt chước cho giống những người khác hơn nữa nhưng vẫn thất bại, một vị sư đã dừng lại, chỉnh tư thế và cái bát của anh một chút. Bỗng nhiên, những người đi đường mỉm cười và đồng loạt cho anh thức ăn. Anh chợt nhận ra những thói quen và kỳ vọng ăn sâu trong mỗi người đã ngăn cản họ tự kết nối với chính mình và kết nối với người khác ra sao. Anh cảm nhận được sự chia sẻ và xúc động vì lòng biết ơn.

Tôi thấy anh đã giữ được sự quan sát, sự suy ngẫm về bản chất tâm thức của các hiện tượng bên ngoài. Anh đã quay vào bên trong ngay cả khi đi ra bên ngoài. Anh đã giữ được chánh niệm trong cuộc sống bình thường. Anh đã giữ được tâm thiện ở bên ngoài phòng thiền. Anh đã thực hành thiện vô điều kiện.

Ottamasara bảo mọi người hành thiện liên tục nhưng không chỉ phương pháp cũng chẳng phân tích về tâm thiện. Ông chỉ tạo ra một phòng thiền và lịch thiền hàng ngày. Ottamasara bảo mọi người hành thiện không ngừng, nhưng cũng chẳng hướng dẫn hành thiện như thế nào. Ông bảo “làm chỉ là làm thôi”, “thiện chỉ là thiện thôi”, “trải nghiệm chỉ là trải nghiệm thôi”, chẳng có thiện thể này thế khác, trải nghiệm thể này thế khác.

Với hàng vạn người nghèo khổ từng ngày từng giờ đói mặt với ăn, mặc, ở và những dòng người tiếp tục đổ đến xin giúp đỡ do nguyên lý giúp đỡ vô điều kiện của Ottamasara, ngôi làng Thabarwa trở thành một môi trường hành thiện và hành thiện đầy thách thức và biến động.

Bởi vì quá nhiều việc để làm và quá nhiều người cần giúp, mỗi người đều phải tự giúp mình, sẵn sàng nhận giúp đỡ và cho đi sự giúp đỡ không điều kiện. Mỗi cá nhân phải giữ vững sự quan sát và nỗ lực làm những việc cần thiết nhất. Mỗi người tự buông bỏ dần những quan kiến cá nhân như sở thích, kỳ vọng, kinh nghiệm, kế hoạch cùng nỗi ám ảnh phải kiểm soát những thứ cụ thể như thời gian, nơi chốn, các thức, đối tượng.

Ottamasara không dạy về vô ngã hay chấp ngã. Ông chỉ làm gương và dẫn dắt người khác theo ông để hành thiện và hành thiện. Khi hành động liên tục trong mọi hoàn cảnh ... con người tự trải về cuộc đời, tự hiểu về vô thường và tự buông chấp ngã. Hành thiện và hành thiện vô điều kiện do đó chính là con đường tu tâm tốt nhất.

Mục đích cuộc đời

Anh chàng Mexico nói với tôi rằng bức tượng Phật trong căn phòng khách ở Thabarwa nhắc nhở anh điều gì đó, y như là bức tượng Phật anh đã gặp ở Thái Lan. Thế là, ngày nào anh chàng gốc thiên chúa giáo đã cải sang tôn giáo của người Maya cũng quỳ lạy đức Thích Ca để xin ngài cho biết mục đích cuộc đời. Anh bảo với đức Phật rằng “Tôi không cần mục đích của tôi, hãy cho tôi mục đích của ông”.

Tôi đùa rằng đức Phật gửi tôi đến để giúp anh, mà trong lòng vô cùng xúc động. Một tâm hồn tha thiết hướng thượng và buông bỏ chấp ngã mới có thể thốt ra câu nói ấy. Hôm đó, tôi đã ngồi thiền cùng với anh để giúp anh kết nối với siêu thức. Anh ấy nhận được thông điệp rằng mình sẽ là một nhà chữa trị hàn gấn. Anh còn nhận được hình ảnh tương lai về một buổi thiền tập thể mà tôi ngồi giữa. Tôi hiểu thông điệp của nó là tôi sẽ cần dạy thiền nhiều hơn. Hình như đức Phật cũng gửi anh đến để giúp tôi.

Đúng hơn là chúng tôi được gặp nhau để giúp nhau nhờ sự trợ duyên của đức Phật.

Tôi đã gặp rất nhiều người đến với tôi để hỏi về mục đích cuộc đời của họ. Nhưng điều mà họ thực sự bị ám ảnh không phải ý nghĩa cuộc đời mà là “cách thức đảm bảo thành công của bản thân”. Họ không cần có thêm mục đích cùng cách thức, mà phải bớt đi sự ích kỷ cùng chấp ngã.

Ottamasara không dạy về vô ngã hay chấp ngã. Ông chỉ làm gương và dẫn dắt người khác theo ông để hành thiện và hành thiền. Khi hành động liên tục trong mọi hoàn cảnh ... con người tự trải về cuộc đời, tự hiểu về vô thường và tự buông chấp ngã. Hành thiện và hành thiền vô điều kiện do đó chính là con đường tu tâm tốt nhất.

Học mà không học

Tôi chợt hiểu vì sao chuyển đi học thiền kết thúc tại Thabarwa, và hình ảnh tương lai về một buổi dạy thiền.

Trong một buổi thiền tháng 05/2014, tôi nhận được thông điệp đi Myanmar. Tôi dừng hết công việc giảng dạy và dẫn thiền, chữa trị hàn gắn và có mặt ở Myanmar tháng 06/2014.

Tôi bắt đầu cuộc phưu lưu ở một thiền viện có cách dạy dễ vừa chi tiết và vừa hàn lâm về phương pháp và trải nghiệm thiền mà các thiền sinh cần phải đi qua. Tôi được chứng kiến hàng loạt vấn đề của các thiền sinh, xuất phát từ sự mất cân bằng tâm lý và sức khỏe, do có quá nhiều kỳ vọng cùng thất vọng, sợ hãi cùng thích ghét, phân tích cùng so sánh, đặc biệt là sự căng thẳng do chú tâm. Hành thiền biến thành ham muốn đi lên Niết Bàn và ám ảnh tìm kiếm ánh sáng.

Một ngày giữa phòng thiền đẹp đẽ, đầu óc trở nên hoang mang dữ dội trong một cơn lũ những phân tích và phán xét về phương pháp thiền được dạy, tôi đã hỏi đức Thích Ca rằng "Cha ơi, thế con cần thiền cách nào và con phải làm gì đây?" Tôi không hiểu vì sao tôi được dẫn dắt đến nơi này chỉ để hoang mang. Cả phòng thiền biến thành vàng kim khi nhận một cơn thác năng lượng tuyệt đẹp từ trên đổ xuống. Đó là một cơn lốc mạnh mẽ, của lớp lớp

xoáy tròn ốc hình tròn, chứa những hình tam giác bên trong. "Tất cả đều là một". Tôi biến thành nước mắt.

Tôi như được hồi sinh khi đến Shwe Oo Min, nơi chỉ dạy nguyên lý quan sát tự nhiên và chỉ ra cái gì không phải là tâm thiền. Ở đó, tôi đã thiền cùng một vị sư. Gặp cha Thích Ca và mẹ Quán Thế Âm, người ấy hỏi phải học thiền thế nào và được trả lời rằng tôi (Huongclass) sẽ dạy. Quá sốc, tôi bèn xin hướng dẫn. Nụ cười của Thích Ca rất ấm áp. Nụ cười của Quán Thế Âm thì dịu dàng. Nhưng cả hai đều im lặng. Đã quen với sự im lặng và những nụ cười này, nên tôi cũng không hỏi nữa tuy thắc mắc vẫn còn nguyên.

Một ngày mẹ Quán thế âm bất ngờ dặn tôi "Tất cả đều phải học buông bỏ" rồi nhấn nhủ tôi gặp Ottamasara. Cuối cùng tôi cảm nhận như được trở về nhà ở Thebarwa, nơi đi rất xa trong việc thực hành buông bỏ sự bám víu vào phương pháp và cùng với nó là chấp ngã trong hành thiền.

Nếu không tự bắt đầu thực hành thiền một cách ngẫu hứng mà như sắp đặt. Nếu không đi qua các trường thiền theo một trình tự vô tình mà như được dẫn dắt. Tôi đã không đủ mở lòng cho mọi trải nghiệm xảy ra cũng như đủ sức buông bỏ trong việc hành thiền và dạy thiền.

Thabarwa giúp tôi nhận ra cái vòng tròn mà tôi đã đi từ giây phút đặt chân đến Myanmar đến lúc đó : Chấp ngã - Trải nghiệm vô điều kiện - Buông bỏ. Đây cũng là cái vòng tròn tôi đã đi từ ngày đầu tiên ngồi khoanh chân, nhắm mắt và tự hỏi thiền là gì cho đến hôm nay. Đó cũng là vòng tròn luân hồi, vòng tròn tiến hóa.

Dạy mà không dạy

Là người tự hành thiền, tôi đã mày mò rất nhiều phương pháp khác nhau, và đã đi qua rất nhiều trải nghiệm khác nhau. Tôi nhận ra rằng điều quan trọng là thực hành thiền và trải nghiệm trạng thái thiền một cách tự nhiên như chính bản thân mình, chứ không phải là biết cách thiền như thế nào và tìm kiếm một trạng thái thiền ra sao.

Đúng là mỗi người có căn cơ khác nhau, nên phù hợp hơn với một số phương pháp thiền khác nhau. Tuy nhiên, không phải sự may mắn tìm được kỹ thuật tốt nhất giúp việc hành thiền thành công, mà nỗ lực thực hành đều đặn nhưng tự nhiên sẽ đưa một người đến những pháp thiền phù hợp. Phương pháp sẽ tìm người, chứ người không cần tìm phương pháp. Việc này sẽ xảy ra một cách tự nhiên, khi tâm thiết tha học hỏi.

Khi bắt đầu hướng dẫn những người khác thực hành thiền, tôi suy nghĩ rất nhiều về việc nên chọn phương pháp nào cho cả nhóm đây. Người chưa thiền bao giờ thì kỳ vọng rằng họ đến với tôi để học một phương pháp thiền nào đó, rồi sẽ bắt đầu thực hành thiền. Người đã thiền rồi thì kỳ vọng rằng họ đến với tôi để học một phương pháp mới và thực hành nó để có trải nghiệm tốt hơn những gì họ đã có.

Nhưng cũng chính trong giai đoạn đầu này, người học chẳng nên quan tâm đến phương pháp, mà chỉ cần chuyên tâm thực hành. Tâm mong cầu, tâm kỳ vọng, tâm sợ hãi, tâm phân tích sẽ ngăn cản họ tìm về với bản chất tự nhiên của chính mình. Tâm chấp ngã về tư thế, thời gian, địa điểm, đặc biệt là phương pháp sẽ ngăn cản thiền sinh đến với bản chất tự nhiên của thiền.

Tôi cũng phát hiện ra rằng phần lớn mọi người đến với các buổi thiền của tôi đã thực hành thiền rất thuần thục trong tiền kiếp, khi mà họ chẳng có thầy. Một ngày ở nhà họ đơn giản nhắm mắt. Hoặc một ngày họ lên núi, ngồi cạnh một cái cây. Và họ thiền. Thế thôi. Thiền dường như là việc tự nhiên giống như hơi thở mà trong tiềm thức ai cũng biết.

Phương pháp thiền của tôi là không có phương pháp. Nói một cách bóng bẩy là thiền tùy duyên, còn nói cách thẳng thắn theo ngôn ngữ vi diệu pháp là trải nghiệm thiền vô điều kiện. Nói như cách của tôi là thiền tự nhiên. Cùng những người thấy cần phải thiền, chúng tôi cùng thiền. Rồi chúng tôi cùng chia sẻ trải nghiệm thiền của cá nhân mình, và cùng hiểu ra mình là như thế và thiền là như thế.

Tự thực hành thiền không theo hẳn phương pháp chặt chẽ nào là việc tự nhiên với hầu hết những

người hành thiền lâu năm. Nhưng nếu không gặp Ottamasara thì tôi cứ tưởng trên thế giới chẳng ai dạy thiền theo phương pháp đó. Cho nên tôi đã rất ngỡ ngàng khi dạy thiền.

Thiền mà không thiền

Tôi ngạc nhiên khi được nghe những tình nguyện viên kể về thời gian Ottamasara đi từ gia đình này đến gia đình khác để giảng pháp, như là tôi bây giờ đi từ tỉnh này đến tỉnh khác dạy về con người và tiến hóa đa chiều.

Tôi càng ngạc nhiên hơn, khi cầm bản thảo cuốn sách đang viết dở của ngài có tiêu đề là... Buông bỏ.

Suy cho cùng phương pháp dạy thiền qua trải nghiệm trực tiếp mà không giải thích trước về kỹ thuật cũng có nhiều điểm tương đồng với phương pháp dạy thiền tự do của tôi, về bản chất đều thống nhất với nguyên lý "nhận thức hiện thực như nó đang là" mà đức Thích Ca đã dạy, dù Ottamasara là thiền sư còn tôi là chỉ người đi ngang qua thiền viện.

Những con đường khác nhau nhưng tất cả đều là một.

Tất cả đều là một

Tôi đã nghĩ, nghĩ mãi về thông điệp "Tất cả đều là một" của cha Thích Ca. Tôi đã thử xoay xở nhiều phương pháp thiền trong thời gian bé tấc ở thiền viện đầu tiên, tự an ủi mình rằng cách thiền nào cũng thế. Rồi tôi lại tự vấn bản thân rằng nếu mọi cách thiền đều như nhau, sao tôi không thiền được theo phương pháp được giảng dạy chi tiết ở đó.

Tôi đã nghĩ, nghĩ mãi về thông điệp "Tất cả đều phải buông bỏ" của mẹ Quán thế âm. Tôi đã làm tan biến tư cơ thể, xúc cảm, tình cảm, lý trí, và cuối cùng chính bản thân tôi nữa qua các buổi thiền. Và chính trong giây phút hòa nhập vào vạn vật quanh mình, tôi thấy rõ ràng tôi là cơ thể vật lý, là xúc cảm, là tình cảm và là lý trí của tôi. Tôi đã ảo tưởng về một trải nghiệm tâm không, sau cùng mọi trải nghiệm.

Và thế là, tôi lại quay về tự nhiên theo cách của tôi.

Đó chính là vòng tròn cuộc đời, từ đứa trẻ trở về đứa trẻ. Đó là vòng tròn tiến hóa, từ tự nhiên trở về tự nhiên. Tất cả đều là một.

Đó chính là mục đích của thiền, từ vô ngã trở về vô ngã. Hành thiền vô điều kiện. Trải nghiệm thiền tự nhiên.



Ngài Ottamasara - ở vị trí thứ 2 từ bên trái tấm ảnh



Phái đoàn chư Tăng Việt Nam sang thăm trung tâm Thiền của Ngài Ottamasara

Máy độ duyên lành

Huyền Lam

Buổi chiều tối mùa đông băng giá, bên ngoài tuyết phủ trắng xóa lấp lánh dưới ánh trăng rằm cuối năm, Quân đem vài thanh củi đến bên lò sưởi đốt lên sưởi ấm căn phòng. Mùi gỗ thông thơm thoang thoảng dễ chịu.

Như thường lệ, sau khi dùng cơm chiều, anh thường đem máy laptop đến ngồi trên chiếc ghế bành cạnh lò sưởi, vào mạng internet. Anh thích cảm giác ấm áp từ ánh lửa tỏa ra,

thích ánh sáng chập chùng đem đến niềm thư thái an lạc.

Hôm nay, sau khi đọc tin tức đó đây, Quân vào trang mạng Craigslist được hầu hết người ở Mỹ dùng để giao dịch mua bán đồ dư thừa tại địa phương, anh muốn kiếm cái máy thổi tuyết đã dùng qua nhưng không thấy ai đăng bán. Trong lúc định tắt máy, anh ngược nhìn bức tranh sơn dầu có hình Đức Phật mỉm



cười treo trên tường, ánh sáng từ lò sưởi làm bức tranh sống động linh thiêng lạ kỳ. Bỗng nhiên Quân vô ý thức gõ chữ Buddha (Phật), trên trang mạng Craigslist và bấm nút search (tìm).

Trên màn hình, những dòng chữ hiện ra: Cần chuyển nhượng chiếc tủ thờ Phật, nhà sắp bàn giao. Xin liên hệ ông Ted Tazuma số điện thoại... để biết thêm giá cả và chi tiết.

Hết sức ngạc nhiên, Quân không ngờ trang mạng tại một tiểu bang đa số người da trắng lại xuất hiện mẫu tin này, ngày đăng lời rao vặt cũng đã gần ba tháng. Đọc tên họ, anh biết ông Ted là người gốc Nhật. Nhìn đồng hồ cũng chưa quá tối, anh bấm số gọi, bên kia đầu dây có tiếng người đàn ông lớn tuổi:

- Xin chào, đây là Ted Tazuma.
- Cháu là Quân, có đọc mẫu tin rao bán chiếc tủ thờ nên gọi cho ông. Cháu là Phật tử. Ông có thể gửi hình cho xem trước và cho biết giá được không ạ?
- Anh là Phật tử à! Thật tốt quá. Về hình và giá, có lẽ anh nên đến xem để cảm nhận trọn vẹn, chúng ta sẽ nói chuyện với nhau.
- Thưa ông Ted, có ai xem và trả giá chưa ạ, xin ông cho địa chỉ.
- Cũng có vài nơi trả giá nhưng chúng tôi vẫn chưa quyết định bán. Địa chỉ nhà tôi là...
- Ô, nhà ông Ted ở tận North-Bend à? Cách

nơi cháu gần 200km. Ông có thể chờ đến ngày thứ Bảy được không? Ngày cuối tuần nghỉ làm, cháu mới lái xe đi được.

- Ừa được, tôi chờ anh nhé. Không chờ lâu hơn được nhé, vì thứ Tư sau đó tôi đã giao nhà cho người mua rồi.

*

Thứ Bảy, Quân dậy sớm chuẩn bị cho chuyến lái xe xa. Bên ngoài tuyết vẫn rơi, phủ dày. Anh cặm cụi móc dây xích chống trơn trượt vào các bánh xe pickup (bán tải), đem theo xăng, đồ ăn khô, thức uống, túi ngủ để đề phòng trường hợp tuyết lở trên các đoạn đèo làm đường nghẽn không di chuyển được. Quân không ngờ mình lại quyết định lái đến nơi xa trong tình trạng thời tiết băng giá để xem một vật không biết rõ hình thể, chất lượng, cũng không biết giá cả ra sao. Có điều gì đó thôi thúc anh và có lẽ đây là lần đầu tiên anh hành động như thế.

Quân lái xe trên con đường tỉnh lộ hoang vắng, những cánh đồng tuyết dài bất tận, những rừng dương, đồi núi hùng vĩ khoác màu trắng trinh nguyên đẹp lạ kỳ. Thông thường vào mùa hè, khoảng cách từ nhà Quân đến ông Ted chỉ cần 2 giờ lái. Mùa đông do đường đóng băng, xe phải gắn xích, thời gian lái tăng lên gấp đôi vì không thể lái nhanh được.

Tuy nhiên, do phải chú tâm thao tác tay lái liên tục để chống trượt, Quân thấy thời gian trôi qua rất nhanh, chẳng mấy chốc anh thấy mình đã đến thành phố North-Bend lúc gần trưa dù ra đi hồi sáng sớm. Theo hướng dẫn

của máy bản đồ định vị, Quân cho xe dừng lại trước căn nhà gạch, đồ sộ như biệt thự. Lối bộ hành từ chỗ đậu xe đến cửa được thổi tuyết sạch sẽ thơm mát. Đến bên cánh cửa đôi bằng gỗ tếp sang trọng, anh bấm chuông.

Một lúc lâu, cụ già có nét mặt Á châu Nhật Bản, tay chống gậy, mở cửa, cười hiền lành:

- Anh đi vào kéo lạnh, thời tiết như thế này tưởng anh không tới được.

Quân bước vào trong, căn phòng khách rộng có nhiều thùng đựng đồ được chồng lên nhau như chuẩn bị dọn nhà. Ông cụ bước đi yếu đuối, hai tay chống trên khung gậy trợ lực, mời anh theo ông qua phòng kê bên. Ông bật đèn lên, trước mặt Quân là một chiếc tủ đen, cửa đóng kín, nằm uy

nghi giữa căn phòng có sàn gỗ hoàn toàn trống trải.

Ông Ted lên tiếng:

- Anh tự nhiên xem nhé. Anh thích mua thì chúng ta nói chuyện.

Chiếc tủ có chiều cao khoảng 1m5, phần dưới có các hộc tủ, phần trên có bộ khung cửa 4 cánh được đính bản lề kim loại rất tinh tế nhưng mạnh mẽ khiến Quân cảm được năng lực thiêng liêng, cao quý bên trong. Quân bước chậm nhẹ đến trước chiếc tủ, ông Ted dõi mắt nhìn theo. Quân đứng lặng yên vài giây, nghiêm trang chấp tay kính cẩn xá một xá. Không gian tĩnh lặng quá, Quân nghe được cả tiếng tim đập, anh hồi hộp mở 2 cánh cửa: một vùng hào quang lung linh phản chiếu diệu kỳ, Quân



giương to mắt ngạc nhiên trầm trồ!

Mặt sau đôi cánh cửa đen được dát vàng lóng lánh, Quân đối diện đôi cửa thứ hai chạm trổ tinh vi có màn lưới mỏng thấy được kiến trúc huyền bí, mờ ảo bên trong. Nhẹ nhàng, anh mở nốt cánh cửa thứ hai: Một Phật Hùng Bảo Điện uy nghi, sáng ngời hiển lộ. Hình ảnh Đức Phật lấp lánh, sống động tỏa từ quang chiếu rọi. Một thế giới tâm linh trang nghiêm, tràn đầy Phật lực.

Quân ngạc nhiên xuýt xoa như không tin vào mắt mình khi thấy được nội điện bên trong chiếc tủ. Một cấu trúc chùa chiền vĩ đại không những về kiến trúc mà cả tâm linh được công phu thể hiện gọn nhỏ bên trong chiếc tủ như nghệ thuật bonsai điêu luyện. Đứng trước chiếc tủ gỗ, Quân cảm được uy lực, nét trang nghiêm vốn chỉ có nơi chốn thiên môn. Anh quỳ xuống, thành tâm lạy ba lạy như mỗi khi vào Phật điện.

Sau đôi cánh cửa đen ấy là một thế giới tâm linh trang nghiêm, tràn đầy Phật lực - Ảnh: Huyền Lam

Quân quay về hướng ông Ted:

- Ông ơi! Chiếc tủ thờ uy nghi, công phu mỹ thuật quá. Cháu thấy lần đầu tiên trong đời. Chiếc tủ này phải quý lắm, giá phải cao lắm. Cháu e mua không nổi. Được chiêm ngưỡng chiếc tủ thật không uổng công cháu lái xe đến đây ông ạ.

Ông Ted khuôn mặt tươi, cười rạng rỡ:

- Cháu qua phòng khách, chúng ta cùng nói chuyện.

Cha ông Ted sinh ra ở Nhật; ông theo cha mẹ qua Mỹ định cư khi chỉ mới 2 tuổi. Đây là chiếc tủ thờ Phật của cha ông Ted, không biết có từ thời nào. Ông Ted còn nhớ hồi 2, 3 tuổi đã được cha hướng dẫn tới đánh lễ trước tủ thờ. Hai mươi năm trước cha mất, ông thừa hưởng chiếc tủ thờ dù đã có riêng một chiếc nhỏ hơn nhiều. Cách đây 4 năm, ông Ted bị đụng xe chấn thương cột sống nên di chuyển khó khăn, nay tuổi đã lớn không thể sống một mình, đành bán nhà vào khu dưỡng lão. Do diện tích phòng trong khu dưỡng lão khá khiêm tốn, ông chỉ có thể đem theo chiếc tủ thờ Phật nhỏ của mình.

Ngồi xuống chiếc ghế nệm, ông Ted chậm rãi:

- Cháu thích chiếc tủ này lắm phải không?

Quân nhìn ông, mỉm cười gật đầu:

- Cháu chưa bao giờ thấy được một tủ thờ huyền diệu tuyệt mỹ như vậy. Khi đứng đối diện tủ thờ, cháu cảm được nguồn thiêng liêng, từ lực phát ra ông ạ.

Ông Ted choàng tay qua, vỗ nhẹ nhẹ vào vai Quân:

- Nhiều người đọc tin rao vặt xin đến xem. Có người trả 1 ngàn, 5 ngàn, có người trả 10 ngàn... nhưng ta không bán vì họ toàn là những người sưu tầm đồ cổ hoặc thấy đẹp mua về để trưng bày.

Quân chêm vào:

- Nhưng cháu không đủ tiền để mua vật quý giá này đâu thưa ông.

Giọng ông Ted lộ chút xúc động:

- Nhìn cháu tiếp xúc chiếc tủ thờ, ta biết đã gặp đúng người. Còn vài ngày nữa là giao nhà, ta cứ tưởng phải tiễn chiếc tủ thờ cho các người sưu tầm đồ cổ.

Ông Ted nhìn Quân một lúc lâu, cười hiền từ:

- Ta bán cho cháu giá 200 nhé, không thêm, không bớt. Ta không thể cho, vì cho thì cháu sẽ mang ơn ta.

Quân hốt hoảng:

- Không thể được đâu ông ạ. Chiếc tủ quý thế này phải trên 10 ngàn ông ạ. Cháu được xem lần đầu là thỏa nguyện rồi. Ông hãy bán cho người sưu tầm đồ cổ để có tiền lo cho tuổi già.

Ông Ted cười lạnh lạnh:

- Ta đã bán căn biệt thự này thì thêm 10 ngàn, 20 ngàn đâu có thay đổi gì. Điều ta cần là tìm được người mỗi ngày biết sống, biết giao cảm thiêng liêng với chiếc tủ thờ. Trong học tủ thờ, có vài cuốn kinh, văn hóa phẩm bằng tiếng Nhật của cha ta. Con giữ làm kỷ niệm, không thì đốt giùm nhé. Ta đã giữ quá nhiều đồ của ông cụ rồi, không thể đem thêm được nữa, ta lại không biết tiếng Nhật.

Quân bối rối:

- Cháu rất cảm động, cảm ơn ông nhiều lắm. Cháu cứ tưởng mình đang sống trong mơ ông ạ.

*

Quân trang trọng an vị chiếc tủ thờ trong phòng khách được anh thiết kế thành thiền phòng. Mỗi đêm anh thường tắt hết đèn điện, thắp ngọn nến nhỏ, gõ tiếng chuông ngân vang, ngồi thiền. Một không gian phản chiếu hào quang huyền diệu. Quân cảm được năng lượng từ bi, thanh tịnh phát tỏa từ Đức Phật lung linh gần gũi.

Vài tháng sau, Quân bắt đầu xem những tập sách in bằng tiếng Nhật xếp đầy trong các học tủ bên phần dưới tủ thờ. Cảm từng cuốn sách, lật vài trang, liếc vội dòng chữ, anh nghĩ thầm chắc đây là lời kinh bằng Hán tự như tiếng Việt xưa. Anh chợt để ý dòng chữ bên trong tập sách mỏng như được viết bằng bút lông, ruột sách hầu hết là giấy trắng đã hoen màu, ngoài bìa có vài chữ được in lớn.

Quân dù không biết Hán tự, nhưng nhìn nét bút lông tinh tế, đẹp đều, anh suy đoán những dòng chữ này ắt phải có ý nghĩa rất quan trọng. Anh chụp hình bìa sách rồi gửi tin nhắn (text message) đến người bạn Việt Nam sống tại Nhật mà anh quen qua mạng xã hội:

- Chị Du ơi, lâu ngày không liên lạc, nay làm phiền chị rồi. Mấy chữ ngoài bìa sách nói gì thế?

Chị Du:

- Chào anh Quân, lâu quá nay mới thấy. Chữ này có nghĩa là Gia Phả Tổ Tiên.

Quân chụp hình trang viết tay gửi chị Du:

- Chị dịch thêm vài dòng trang này nhé, có

phải là chữ viết tay không?

Mấy trang này nói ngày sinh, ngày mất của ông bà tổ tiên, nghề nghiệp, quê quán... tương tự cách ghi chép gia phả của người Việt Nam. Nét chữ rất đẹp, có thể do quý tôn sư trong chùa viết.



Quân kể chị Du nghe về chiếc tủ thờ và người Mỹ già gốc Nhật rồi nhờ thêm:

- Có 3, 4 trang chị dịch ra tiếng Việt giùm nha, rồi Quân sẽ dịch ra tiếng Anh. Biết đâu ông già Nhật muốn biết những điều này. Mai một gặp nhau ở Mỹ hay ở Việt Nam, Quân hậu tạ nhé!

Chị Du:

- Không sao đâu anh Quân, giúp chút xíu có gì đâu mà. Nhưng đái nhà hàng thì cũng nhận đây!

Khi cánh cửa mở ra, một Phật điện trang nghiêm biểu hiện - Ảnh: Huyền Lam

*

Hôm sau, Quân gọi cho ông Ted theo số lưu lại trong điện thoại di động. Anh hỏi hộp nghe chuông reng, hy vọng ông không đổi số, đầu dây có tiếng quen thuộc:

- Xin chào, tôi Ted đây.

Quân mừng rỡ:

- Chào ông, cháu là người mua tủ thờ của ông. Ông ơi, mấy cuốn kinh trong học tủ thờ, có cuốn là gia phả nhà ông.

Ông Ted ngạc nhiên:

- Hả, cháu nói gì, cuốn gia phả hả?

- Dạ phải, vì ghi ngày sinh, quê quán, nghề nghiệp của hầu hết người có tên họ là Tazuma.

Ông Ted thốt lên mừng rỡ:

- Ôi tốt quá! Thật không ngờ. Khi cha ta sống thì ta không thèm để ý. Đến khi cha ta mất, khát khao muốn biết gốc gác thì không biết hỏi ai. Gần đất xa trời ta cứ ôm hận không biết tổ tiên mình.

Quân nhẹ nhàng:

- Dạ, ông cho cháu địa chỉ mới, cháu gửi cuốn gia phả và bản dịch tiếng Anh cho ông ạ.

Ông Ted sung sướng cười lanh lảnh:

- Nhân quả, Phật pháp tuyệt vời làm sao. Nếu ta ham tiền thì đâu thể gặp cháu. Cháu cho ta món quà vô giá!

Ông cười to, nói tiếp:

- Một ông Việt ở Mỹ mua đồ của ông Nhật gốc Mỹ, rồi ông Việt lại nhờ bạn Việt ở Nhật dịch tiếng Nhật ra tiếng Việt, ông Việt lại dịch ra tiếng Mỹ... Chuyện như một giấc mơ, cháu nhỉ!

Quân phấn khởi cười với ông:

- Dạ, cháu đến giờ nhìn tủ thờ vẫn tưởng đang mơ ông ạ. Ông và cháu có một giấc mơ rất đẹp.

Ông Ted cười khoái chí:

- Điều đẹp nhất là giấc mơ của chúng ta có thật. Phật pháp nhiệm màu quá, cháu nhỉ!

Thiền Tứ Niệm Xứ

Thích Trí Siêu

Mục Lục

Vài lời cùng bạn đọc

Mở đầu

01 Tứ Niệm Xứ và Bát Nhã Tâm Kinh

02 Tứ Niệm Xứ và Thiền Tông

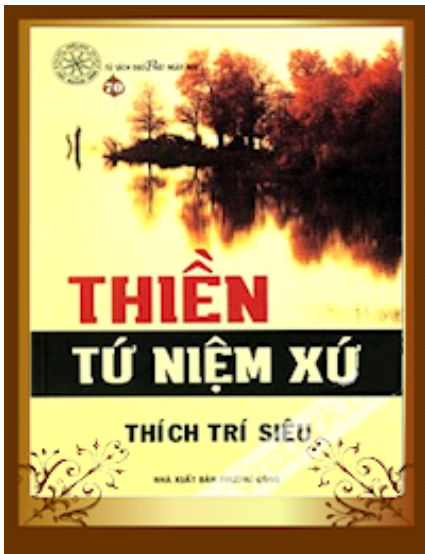
03 Thiền và Tịnh Độ

04 Tứ Niệm Xứ và Bồ Tát Đạo

05 Phương pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ

06 Kết luận

07 Phụ Lục - Kinh Quán Niệm



Vài lời cùng bạn đọc

Quyển sách nhỏ này được viết ra nhằm mục đích giới thiệu với quý độc giả đang đi tìm giải thoát và nhất là thích tu thiền, một phương pháp hành thiền mà ít người để ý, đó là pháp Tứ Niệm Xứ.

Đức Phật Thích Ca xưa kia do tu Thiền mà giác ngộ giải thoát. Nhưng khi nói đến Thiền thì nhiều người hoang mang vì có cả một rừng Thiền nào là Như Lai Thiền, Tổ Sư

Thiền, Thiền Đốn Ngộ, Thiền xuất hồn, Thiền Yoga, Thiền Tây Tạng, Thiền Zen... không biết theo ai bây giờ? Vì không ai chỉ dạy nên người chán nản thì theo đại một phái Thiền nào đó. Nếu là Thiền Phật giáo như Tây Tạng hay Zen thì còn đỡ, nhưng nếu chẳng may rơi vào Thiền ngoại đạo thì ôi thôi, không những uống một kiếp này mà còn uống cả muôn ngàn kiếp sau, vì sai một ly đi ngàn dặm. Cổ nhân có câu: Thà đành ngàn năm không ngộ, không cam một phút sai lầm."

Tứ Niệm Xứ là một pháp hành Thiền do chính Đức Phật xưa đã đích thân chỉ dạy cho các đệ tử. Nhờ hành theo đó, các đệ tử đã giải thoát đắc quả vô sanh (A La Hán). Những người theo Đại Thừa ngày nay thường bỏ qua và lãng quên pháp môn này, cho đó là pháp Tiểu Thừa. Đây là một điều rất đáng tiếc.

Để giới thiệu và giúp cho độc giả có một ý niệm về tầm quan trọng của pháp này, tôi sẽ so sánh trong phần đầu Kinh Tứ Niệm Xứ với Bát Nhã Tâm Kinh. Thiền Niệm Xứ hay Minh Sát với Tổ Sư Thiền, và sau đó sẽ nói về phương thức tu tập Thiền Tứ Niệm Xứ.

Vì không ngoài mục đích giới thiệu sơ qua về pháp hành "Thiền Tứ Niệm Xứ, chắc chắn độc giả sẽ cảm thấy nó khô khan, vô vị, không mấy hứng thú. Nhưng không có một sự giác ngộ nào có thể có được nếu chính ta không chịu thực hành, không chịu trở về quan sát nội tâm, theo dõi và ghi nhận tất cả những hoạt động biến chuyển của thân tâm,

không chịu nương theo Giới, Định, Huệ mà tu tập. Các bạn hãy suy nghĩ và tu tập theo Tứ Niệm Xứ, nếu thấy hợp và đem lại nhiều chuyển hóa trong đời sống hàng ngày thì các bạn hãy chịu khó lên đường tìm Thầy hoặc bạn để học hỏi thêm, nếu ngược lại thì chắc bạn không có nhân duyên rồi, tốt hơn là nên đi tìm phương pháp khác vậy.

Mùa Thu năm Đinh Mão 1987
tại Thiên Đường Sakyamuni, Montbéon.
Thích Trí Siêu

Mở đầu

"Tu là cõi phúc, Tình là giây oan", "Đời là bể khổ, Tu là giải thoát". Nhưng tu là tu cái gì? Tu làm sao? Tu có phải ăn hiền ở lành, ăn chay niệm Phật không? Hay phải vào chùa cạo tóc xuất gia là tu chăng?

Ở đây xin miễn nói về triết lý đạo Phật vì Kinh sách nói về triết lý đạo Phật đã có rất nhiều, nhưng quy tụ cũng không ngoài Tứ Diệu Đế. Quý vị có thể tìm sách nghiên cứu, hoặc là đến chùa thăm hỏi quý Thầy, quý Cô chỉ cho.

Về Tứ Diệu Đế, trong các kinh sách thường nói như vậy: Khổ đế là quả luân hồi. Tập đế là nhân luân hồi. Diệt đế là quả Niết Bàn. Đạo đế là nhân Niết Bàn. Chắc chắn Tứ Diệu Đế là chân lý cao thượng, nhưng theo tôi nghĩ thì Đạo đế quan trọng hơn cả. Vì chỉ có Đạo đế mới làm đạo Phật khác hẳn các đạo khác. Vì sao? Vì các đạo khác cũng biết đời là khổ, biết tu hành để cầu sự sung sướng, nhưng con đường đi của họ không thể đưa tới sự giải thoát rốt ráo.

Khổ thì chúng ta đã khổ rồi, nguyên nhân của khổ thì chúng ta đã tạo rồi, Niết Bàn thì

chưa đạt tới, chỉ có con đường đưa đến Niết Bàn mà chúng ta cần và đang tiến bước là hiện tại. Chỉ có giờ phút hiện tại là chúng ta có thể sung sướng hay khổ đau, là tốt hay xấu mà thôi. Ngày hôm qua anh B có thể đã giết bao mạng người, nhưng ngày hôm nay đây anh đang cứu sống tôi. Nói như thế, độc giả có thấy được tầm quan trọng của giờ phút hiện tại không?

Nếu thấy được chỉ có trong giờ phút hiện tại mà ta có thể là một người hiền hay ác, sung sướng hay đau khổ, giác ngộ hay vô minh, thì các bạn sẽ cảm thấy hứng thú hành theo pháp Thiên này. Tu Thiên vì sao ít có người hành? Vì đa số chỉ thấy ngày hôm qua và ngày mai thôi, họ ít thấy hiện tại. Những người tu theo Tịnh Độ thì ỷ nương vào tha lực của Phật A Di Đà tiếp dẫn, sau khi chết sẽ về Cực Lạc nên hiện tại không chịu tu tập quán chiếu nội tâm để tu sửa tâm tánh. Người tu theo pháp môn tụng Kinh thì chỉ ưa tụng những Kinh Đại Thừa nổi tiếng như Pháp Hoa, Niết Bàn, Hoa Nghiêm, Kim Cang... Mỗi khi đến chùa, có ai hỏi độ này tu hành ra sao, thì trả lời: "Độ này tôi tụng được 7 bộ Pháp Hoa, 4 bộ Niết Bàn..." rồi lấy đó làm hãnh diện cho là mình tu nhiều. Kỳ thực tham, sân, si ngã mạn của mình không giảm, mà có điều lại tăng thêm. Đến chùa thì chỉ hay ăn nói khoe khoang, khen Thầy này, chỉ trích Thầy kia, thế này thế nọ...

Còn Thiên thì sao? Tình trạng tâm lý của những người tu Thiên có hơn gì người tu Tịnh Độ không? Người tu ngày nay chỉ chuyên nghiên cứu Thiên, rõ biết lịch sử của chư Thiên Đức thuở xưa. Mỗi khi nói đến Thiên, thường đem ra kể cho Phật tử nghe để rồi gieo cho họ ý nghĩ là Thiên dành cho

những hàng thượng căn thượng trí, còn thời nay mặt pháp, chúng ta là hạ căn độn trí chỉ nên niệm Phật cho chắc ăn. Những hành động, cũng như thành tích của các Thiền Sư chúng ngộ đều có tính cách lạ kỳ, phá chấp, nên nhiều người học Thiền thời nay đều hay bắt chước để rồi tưởng mình cũng phá chấp, phá ngã, đó thật là một điều tai hại và lầm lẫn. Là bậc Thầy, nên chỉ dẫn cho Phật tử phương pháp hành Thiền, chứ đừng nên kể chuyện Thiền. Dĩ nhiên khi nói về phương pháp hành Thiền thì thấy khô khan và dễ làm người nghe chán nản, còn nếu kể chuyện Thiền thì hấp dẫn và vui hơn. Đó có khác chi một đảng chỉ dẫn cách thức làm bánh, và đảng khác là tả sự ngon ngọt của một cái bánh đã thành hình. Một đảng là nhân, một đảng là quả. Người trí học tạo nhân vì biết quả sẽ do đó tự thành, người thường chỉ lo biết quả bỏ quên nhân. Đức Phật xưa kia không nói nhiều về cảnh giới của Niết Bàn, ngược lại, Ngài đã giảng dạy suốt 45 năm về những phương pháp đưa đến giải thoát mà ngày nay chúng ta quen gọi là Đạo Phật.

Điều sai lầm của một số người "tu Thiền" (hay là học Thiền) thời nay là chỉ thích đem Kinh sách Thiền ra bàn luận và giảng giải xuyên qua sự hiểu biết của mình, trong đạo gọi đó là hý luận, hay là sở tri chướng.

Thay vì nói nhiều về Thiền, một vị Thầy có thể bảo Thiền sinh nhẹ nhàng ngồi xuống, bắt chéo chân theo tư thế bán già hoặc kiết già rồi theo dõi hơi thở. Thay vì ăn uống vội vã hấp tấp cho xong để còn lo đi làm việc khác, một vị Sư có thể lặng lẽ, chậm chạp nâng tách trà lên uống thong thả, đó là dạy Thiền một cách trực tiếp, không cần dùng

ngôn ngữ danh từ. Thay vì bắt một chú tiểu học thuộc lòng bộ Tỳ Ni, Oai Nghi rồi bắt chú trả bài có lệ trước khi cho thọ giới, vị Thầy đó có thể kiểm soát trực tiếp hoặc cho đệ tử biết giữ chánh niệm, làm việc thong thả, chậm rãi, theo dõi từng cử động của thân thể v.v... Thiền cần được thực tập trong đời sống hàng ngày chứ không phải để bàn nói.

Những người thanh niên tuổi trẻ, ưa chuộng đạo Phật lại thường không hay đến chùa, không khí ở chùa không hợp với họ. Họ là những người thích tự lực, không thích nương tựa mãi nơi cha mẹ, muốn tạo dựng hạnh phúc với chính hai bàn tay của họ. Đến với đạo Phật, họ chỉ thích tu Thiền, nói Thiền. Nhưng tu Thiền là tu làm sao? Tôi thấy có nhiều người chỉ "quy y sách Thiền" chứ không quy y Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng). Vì không thích lạy Phật, không biết Phật pháp căn bản, không biết kính trọng chư Tăng. Có việc phải đến chùa thì ngênh ngang, tự tại tựa như "Tổ Đạt Ma", họ bảo Thiền là phá chấp, "gặp Phật giết Phật, gặp Ma giết Ma". Họ có biết đâu là đang gây cái nhân đọa địa ngục. Tuy vậy ta cũng không nên trách cứ mà ngược lại nên cảm thương họ thì đúng hơn.

Như vậy nếu có người muốn tu Thiền thì phải làm sao? Phải tu theo Thiền nào? Sách viết về Thiền tông tương đối có khá nhiều, nhưng đa số viết về Thiền học, về văn chương ngôn ngữ Thiền, về triết lý Thiền, về Thiền Trung Hoa... Ở đây tôi muốn giới thiệu, hay đúng hơn là nhắc lại một phương pháp hành Thiền do chính Đức Phật Thích Ca đã dạy cho các đệ tử, đó là pháp Tứ Niệm Xứ.

(Còn tiếp)

Những Hiểu Lầm Về Đạo Phật

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

Với cái nhìn “chủ quan” của một tu sĩ Theravāda, tôi xin mạo muội liệt kê ra đây những hiểu lầm tai hại và rất phổ biến của Phật giáo trong và ngoài nước để chư vị thức giả cùng thấy rõ như thực.

Đạo Phật ngày càng suy đồi, tha hoá, “mạt pháp”, nguyên nhân thì nhiều, nhưng đôi khi vì trong giới tu sĩ và cư sĩ không trang bị đủ kiến thức của giáo pháp như thực - tức là giáo pháp cội rễ - mà chỉ chạy theo cành, nhánh, ngọn lấm hoa và nhiều trái. Từ đây, khó phân biệt đâu là đạo Phật chơn chánh, đâu là đạo Phật đã bị biến chất, chạy theo thị hiếu dung thường của thế gian. Đôi nơi đạo Phật còn bị trộn lẫn với tín ngưỡng duy linh và cả tín ngưỡng nhân gian nữa... Nhiều lắm, không kể xiết đâu.

Với cái nhìn “chủ quan” của một tu sĩ Theravāda, tôi xin mạo muội liệt kê ra đây những hiểu lầm tai hại và rất phổ biến của Phật giáo trong và ngoài nước để chư vị thức giả cùng thấy rõ như thực:

1- Tôn giáo: Đạo Phật có những sinh hoạt về tôn giáo nhưng đạo Phật không phải là tôn giáo, vì đạo Phật không có một vị thượng đế tối cao hoá sinh muôn loài và có quyền ban thưởng, phạt ác.

2- Tín ngưỡng: Đạo Phật có những sinh hoạt tín ngưỡng nhưng đạo Phật không phải là tín ngưỡng để mọi người đến van vái, cầu xin những ước mơ dung tục của đời thường.

3- Triết học: Đạo Phật có một hệ thống tư

tưởng được rút ra từ Kinh, Luật và Abhidhamma, được gọi là “*nhu thực, như thị thuyết*” chứ không phải là một bộ môn triết học “chia” rồi “chẻ”, “phán” rồi “đoán” như của Tây phương.

4- Triết luận: Đạo Phật có tuệ giác để thấy rõ Cái Thực chứ không sử dụng lý trí phân tích, lý luận. Còn triết, còn luận là vì chưa thấy rõ Cái Thực. Đạo Phật là đạo như chơn, như thực. Kinh giáo của đức Phật luôn đi từ cái thực cụ thể để hướng dẫn mọi người tu tập, nó không có triết, có luận đâu. Ngay “*thiền*” mà còn “*luận*” (thiền luận) là đã đánh mất thiền rồi.

5- Từ thiện xã hội: Đạo Phật có những sinh hoạt từ thiện xã hội nhưng không coi từ thiện xã hội là tất cả, để hy sinh cuộc đời đầu tròn, áo vuông một cách uổng phí. Đạo Phật còn có những sinh hoạt cao cả hơn: Đó là giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, tu tập thiền định và thiền tuệ nữa. Từ thiện xã hội thì ai cũng làm được, thậm chí người ta còn làm tốt hơn cả Phật giáo, ví dụ như Bill Gates. Còn giáo dục, văn hoá, nghệ thuật của đạo Phật là nền tảng Mỹ Học viết hoa (nội hàm các giá trị nhân văn, nhân bản) mà không một tôn giáo, một chủ nghĩa, một học thuyết nào trên thế gian có thể so sánh được. Và đây mới là sự phụng hiến cao đẹp của đạo Phật cho thế gian. Còn nữa, nếu không có tu tập thiền định và thiền tuệ thì mọi hình thái sinh hoạt của đạo Phật, xem ra không phải là của đạo Phật đâu!

6- Cực lạc, cực hạnh phúc: Đạo Phật có nói đến hỷ, lạc trong các tầng thiên; có nói đến hạnh phúc siêu thế khi ly thoát tham sân, khổ lạc (dukkha), phiền não của thế gian - chứ không có một nơi chốn cực lạc, cực hạnh phúc được phóng đại như thế.

7- 8 vạn 4 ngàn pháp môn: Đạo Phật có nói đến 8 vạn 4 ngàn pháp uẩn (dhammakhandha) chứ không nói đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn (dhammadvāra). Uẩn (khandha) ngoài nghĩa che lấp, che mờ và nghĩa chông lên, chông chất, còn có nghĩa là nhóm, liên kết, tập hợp ví như Giới uẩn (nhóm giới), Định uẩn (nhóm định), Tuệ uẩn (nhóm tuệ). Do từ uẩn (khandha) lại dịch lệch ra môn - cửa (dvāra), pháp môn nên ai cũng tưởng là có 8 vạn 4 ngàn pháp môn, tu theo pháp môn nào cũng được! Ai là người có thể đếm đủ 8 vạn, 4 ngàn cửa pháp này? Còn nữa, xin lưu ý, 8 vạn 4 ngàn chỉ là con số tượng trưng, có nghĩa là nhiều lắm, đếm không kể xiết theo truyền thống tôn giáo và tín ngưỡng Ấn Độ cổ thời. Ví dụ 84 ngàn lỗ chân lông, 84 ngàn vi trùng trong một bát nước, 84 ngàn phiền não, 84 ngàn cách tu...

8- Xin xăm, bói quẻ, cầu sao, giải hạn, xem ngày giờ tốt xấu: Những hình thức này không phải của đạo Phật. Trong kinh tụng Pāli có đoạn: *“Sunakkhatam sumaṅgalam supabhātam suhuttītam, sukho ca suyittam brahmacārisu. Padakkhinam kāyakammaṃ vācākammaṃ padakkhinam padakkhinam manokammaṃ pañidhī te padakkhinā...”*

Có nghĩa là: Giờ nào (chúng ta) thực hành thân, khẩu, ý trong sạch; giờ đó được gọi là vận mệnh tốt, là giờ tốt, là khắc tốt, là canh tốt... Ngày đó gọi là có nghiệp thân phát đạt, nghiệp khẩu phát đạt, nghiệp ý phát đạt. Và

nguyện vọng theo đó được gọi là nguyện vọng phát đạt. Người tạo nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý phát đạt như thế rồi sẽ được những lợi ích phát đạt (chữ phát đạt có thể có thêm nghĩa nhiều ích).

9- Định mệnh: Đạo Phật có nói đến nghiệp, đến nhân quả nghiệp báo chứ không hề nói đến định mệnh. Theo đó, gây nhân xấu ác thì gặt quả đau khổ, gây nhân lành tốt thì gặt quả an vui - chứ không phải *“cái tơ cái tóc cũng do trời định”* như định mệnh thuyết của Khổng Nho hoặc định mệnh 4 giai cấp của Bà-la-môn giáo.

10- Siêu độ, siêu thoát: Không có bài kinh nào, không có uy lực của bất kỳ ông sư, ông thầy nào có thể tụng kinh siêu độ, siêu thoát cho hương linh, vong linh, chân linh cả. Thời Phật tại thế, nếu có đến nơi người mất, chư tăng chỉ đọc những bài kệ vô thường, khổ và vô ngã để thức tỉnh người sống; và hiện nay các nước Phật giáo Theravāda còn duy trì. Có thể có hai trường hợp:

- Nếu vừa chết lâm sàng thì thần thức người chết vẫn còn. Vậy có thể đọc kinh, mở băng kinh, chuông mõ, hương trầm... để *“thần thức người chết”* hướng về điều lành... để thần thức tự tạo *“cận tử nghiệp”* tốt cho mình.

- Nếu thần thức đã lìa khỏi thân rồi – thì họ đã tái sinh vào cõi khác rồi, ngay tức khắc. Khi ấy thì gia đình làm phước để chư tăng tụng kinh hồi hướng phước ấy cho người đã mất.

Cả hai trường hợp trên đều không hề mang ý nghĩa siêu độ, siêu thoát mà chỉ có ý nghĩa gia hộ, gia niệm, gia lực mà thôi. Tu dựa vào tha lực cũng tương tự như vậy, nhưng cuối

cùng cũng phải tự lực: *“Tự mình thấp đuốc mà đi, tự mình là hòn đảo của chính mình”*.

Chư thiên chỉ có khả năng hoan hỷ phước và báo truyền thông tin ấy cho người quá vãng mà thôi. Họ không có uy lực ban phước lành cho ai cả.

11- Huyền bí, bí mật: Giáo pháp của đức Phật không có cái gì được gọi là huyền bí, bí mật cả. Đức Phật luôn tuyên bố là *“Nhu Lai thuyết pháp với bàn tay mở ra”*; có nghĩa là ngài không có pháp nào bí mật để giấu kín cả!

12- Tâm linh: Ngày nay, người ta tràn lan lễ hội, tràn lan mọi loại điện thờ với những hình thức mê tín, dị đoan, sa đọa văn hoá... mà ở đâu cũng rêu rao các giá trị tâm linh. Đạo Phật không hề có các kiểu tâm linh như vậy. Thuật ngữ tâm linh này được du nhập từ Trung Quốc. Và rất tiếc, tôi không hề tìm ra nguồn Phật học Pāli hay Sanskrit có từ nào tương thích với chữ *“linh”* này cả!

13- Niết-bàn: Nhiều người tưởng lầm Niết-bàn là ở một cõi nào đó, một nơi chốn nào đó; thậm chí là ở một thế giới ở ngoài thế gian này. Người nào tìm kiếm Niết-bàn kiểu ấy, thuật ngữ thiền tông có cụm từ *“lông rùa, sừng thỏ”* như ngài Huệ Năng đã nói rõ: *“Phật pháp tại thế gian. Bất lý thế gian giác. Ly thế tịch bồ-đề. Cáp như tâm thố giác”*. Thố giác là sừng thỏ. Và giác ngộ cũng vậy, chính ở trong khổ đau, phiền não mới giác ngộ bài học được.

14- Bỏ khổ, tìm lạc: Tu Phật không phải là bỏ khổ, tìm lạc. Xin lưu ý cho: Khổ và Lạc chính là căn bản của phiền não!

15- Tu để được cái gì! Có nhiều người nghĩ

rằng, tu là để được cái gì đó. Xin thưa, được cái gì là sở đắc. Ai sở đắc? Chính là bản ngã sở đắc. Đạo Phật là vô ngã. Hãy xin đọc lại Bát-nhã tâm kinh.

16- Tu là sửa: Nếu tu là sửa thì mình đã từ *“cái ta này”* biến thành *“cái ta khác”*. Nếu tu là không sửa thì cứ để nguyên trạng tham sân si như vậy hay sao? Xin thưa, sửa hay không sửa đều trật. Đạo Phật quan trọng ở Cái Thấy! Có Cái Thấy mới nói đến giác ngộ và giải thoát. Không có Cái Thấy này thì tu kiểu gì cũng trệch hướng hoặc rơi vào phước báu nhân thiên.

17- Vía: Đạo Phật không có vía nào cả. Vía, hồn, phách là quan niệm của nhân gian. Ví dụ, ba hồn bảy vía. Ví dụ, nam thất, nữ cửu – nam bảy vía, nữ chín vía. Nếu là nam thất, nữ cửu thì nó trùng với nam 7 khiêu, nữ 9 khiêu. Vía là phần hồn. Không có cái hồn, cái linh hồn tự tồn tại nếu không có chỗ nương gá. Vía không độc lập được. Như danh - phần tâm, sắc - phần thân – luôn nương tựa vào nhau. Chỉ có năng lực thiền định mới tạm thời tách lìa danh ra khỏi sắc, như Cõi trời Vô tướng của tứ thiên. Tuy nhiên, cõi trời Vô tướng hữu tình này không phải là không có danh tâm mà chúng ở dạng tiềm miên. Còn các Cõi trời Vô sắc thì sắc không phải là không có, chúng cũng ở dạng tiềm miên. Thật đáng phàn nàn, Phật và Bồ-tát đều có *“vía”* cả! Và cũng thật là *“đau khổ”* khi trong lễ an vị Phật, người ta còn hô *“Thần nhập tượng”* nữa chứ!

18- Bồ-tát: Bồ-tát là âm của chữ Bodhisatta: Chúng sanh có trí tuệ. Vậy, chúng ta tạm thời bỏ quên *“khái niệm Bồ-tát”* quen thuộc trong kinh điển mà trở về với nghĩa gốc là *“chúng sanh có trí tuệ”*. Và như vậy, sẽ có

hạng chúng sanh có trí tuệ với nguyện lực Thanh Văn; chúng sanh có trí tuệ với nguyện lực Độc Giác; chúng sanh có trí tuệ với nguyện lực Chánh Đẳng Giác. Ngoài 3 loại chúng sanh có trí tuệ trên – không có loại chúng sanh có trí tuệ nào khác.

19- Phật: Phật là âm của chữ Buddha, nghĩa là người Giác ngộ. Vậy chúng ta nên tạm thời bỏ quên “*khái niệm Phật*” từ lâu đã mọc rễ trong tâm thức mà trở về nghĩa gốc là bậc Giác ngộ. Vậy, có người Giác ngộ do nghe pháp từ bậc Chánh Đẳng Giác, được gọi là Thanh Văn Giác. Có người Giác ngộ do tự mình tu tập vào thời không có đức Chánh Đẳng Giác, được gọi là Độc Giác. Có vị Giác ngộ do trọn vẹn 30 ba-la-mật, trọn vẹn minh và hạnh nên gọi là Chánh Đẳng Giác.

Không có vị Giác ngộ (Phật) nào ngoài 3 loại Giác ngộ trên.

20- Thê nhập: Tu là không thê nhập vào cái gì cả. Thê nhập là bỏ cái ngã này để nhập vào cái ngã khác. Cái ngã khác ấy có thể là dòng sông, có thể là ngọn núi, có thể là một cội cây, có thể là một thần linh, thượng đế. Cái cụm từ “*thê nhập pháp giới*” rất dễ bị hiểu lầm. Khi đi, chánh niệm, tỉnh giác trọn vẹn với cái đi; khi nói, chánh niệm, tỉnh giác trọn vẹn với cái nói; khi ăn, chánh niệm, tỉnh giác trọn vẹn với cái ăn – thì đây mới đúng nghĩa “*thê nhập pháp giới*”, ngay giây khắc ấy, mọi tham sân, phiền não không có chỗ để phan duyên, sanh khởi.

Ngoạ Tùng Am, Sơ Xuân 2015

Minh Đức Triều Tâm Ảnh



Đánh Rót

Phổ Đồng

*Lan khoe
hương sắc vô thường
Người khoe ngã ái
kết vương muôn đời
Chút tình
hương sắc đổi dời
vô tình đánh rót
bên đời mây bay.*



Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Voi

322

*Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Xinh.
Đại tượng, voi có ngã.
Tự điều mới tới thượng.*

Sự kiện cần phải quán sát

HT Thích Minh Châu dịch

1.- Có năm sự kiện này, này các Tỷ-kheo, cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Thế nào là năm?

2. "Ta phải bị già, không thoát khỏi già" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điếm tựa. Phạm nghiệp nào ta sẽ làm thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

3. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, đang còn trẻ, kiêu mạn trong tuổi trẻ, say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên

quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn tuổi trẻ trong tuổi trẻ được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị già, không thoát khỏi già", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

4. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, ta không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình khỏe mạnh, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong khỏe mạnh. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn khỏe mạnh trong khỏe mạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

5. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị chết, ta không thoát khỏi chết", là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình đang sống, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong sự sống. Do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng

nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn sự sống trong sự sống được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết", cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

6. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, có lòng tham dục đối với các vật khả ái. Do say đắm với lòng tham dục ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên tham dục đối với các vật khả ái được đoạn tận hoàn toàn hay được giảm thiểu.

Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Tất cả pháp khả ái, khả hỷ đối với ta sẽ phải đổi khác, phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

7. Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát như vậy, ác hạnh

được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

*

8. Nếu vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta già, không thoát khỏi già, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị già, không thoát khỏi già". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị bệnh, không thoát khỏi bệnh, nhưng phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị chết, không thoát khỏi chết, nhưng phàm có những loài hữu tình nào, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy phải bị chết,

không thoát khỏi chết". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có các pháp khả ái, khả ý của riêng một mình ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, các pháp khả ái, khả ý của tất cả loài hữu tình ấy sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt". Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có một mình ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy". Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào họ sẽ làm thiện hay ác, họ sẽ thừa tự nghiệp ấy. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

*Bị bệnh và bị già,
Lại thêm phải bị chết,*

*Pháp yếu là như vậy,
Hữu tình là như vậy.
Phàm phu sanh nhằm chán,
Thật không hợp cho Ta,
Nếu Ta cũng nhằm chán,
Đối với các chúng sanh,
Cùng chung một số phận.
Trong khi đời sống Ta,
Không khác gì đời họ.*

*Ta được sống như vậy,
Biết pháp không sanh y,
Kiêu mạn trong không bệnh,
Trong tuổi trẻ sinh mạng,
Tất cả Ta nhiếp phục
Phát xuất từ an ổn,
Ta thấy hạnh viễn ly,
Ta phát tâm đồng mãnh,
Thấy được cảnh Niết-bàn.*

*Nay Ta không có thể,
Hưởng thọ các dục vọng,
Ta sẽ không thối đọa,
Chứng cứu cánh Phạm hạnh.*

Theo: **Tăng Chi Bộ Kinh 5.57**

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Sự hồi sinh của Phật giáo Ấn Độ

HT. Thích Trí Quảng

Khi Đức Phật nhập diệt, Ngài có quyền ký rằng giáo pháp Phật sẽ trải qua 500 năm là thời chánh pháp, 500 năm là thời tượng pháp và 1.000 năm là thời mạt pháp.

Sau khi Đức Phật vắng bóng trên cuộc đời, trong khoảng thời gian 500 năm đầu, đa số các Tỳ kheo còn giữ nguyên hạnh khắc thực đầu đà theo tinh thần Phật dạy. Nhưng sang 500 năm thứ hai, chúng ta thấy Phật giáo Đại thừa phát triển rất mạnh, trong đó có những vị nổi danh như các vị Bồ tát Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân... Và cũng từ đó, Phật giáo bắt đầu mở rộng về hướng Trung Đông, Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, với nét đặc trưng là Phật giáo bản địa đã kết hợp với nền văn hóa truyền thống của các dân tộc mà tạo thành sự phát triển rực rỡ của Phật giáo Đại thừa.

Trong khi đó, Phật giáo gốc ở Ấn Độ lại nảy sinh tình trạng tranh chấp giữa Phật giáo và Bà la môn giáo, sau cùng dẫn đến sự chi trích giữa Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Đại thừa. Điều sai lầm này của giới Phật giáo Ấn Độ cho thấy ý nghĩa giải thoát trong đạo Phật đã bị lu mờ và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho quần chúng Ấn Độ mất tín tâm, khiến họ quay về đạo gốc của họ là Bà la môn giáo đặt nền tảng trên sự cầu nguyện. Có thể nói kể từ đó, Phật giáo Ấn Độ suy yếu dần, cho đến khi các đạo quân của Hồi giáo tràn vào xâm chiếm Ấn Độ và tàn phá các Thánh tích Phật giáo, sát hại các Tăng sĩ Phật giáo.

Đến thế kỷ XIII, đã xảy ra sự việc đúng với điều Đức Phật dạy trong kinh điển rằng sau khi Phật nhập diệt, có những nơi mà tên Tam bảo còn không được nghe đến, biết đến. Thật vậy, ở Ấn Độ, người dân Ấn hoàn toàn không biết gì về Phật giáo, trong lúc đó Phật giáo Đại thừa lại phát triển rất mạnh ở Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v...

Đến khi đất nước Ấn Độ được độc lập, thoát khỏi sự đô hộ của người Anh, thì cố Thủ tướng Nerhu là một trong những người có công lớn đã quan tâm đặc biệt đến Phật giáo; vì Ngài nhận thấy rằng nguồn cội của Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ, từ đó giáo pháp của Đức Phật đã lan tỏa đến nhiều quốc gia mà đến nơi nào Phật giáo cũng đã phát triển rực rỡ tạo thành nét đẹp đặc thù của văn hóa nơi đó, cũng như xây dựng được nếp sống hiểu biết, an vui, hạnh phúc cho đại đa số quần chúng, vậy mà người dân Ấn lại không hề biết đến Phật giáo, quả thật là đáng thương.

Vì vậy, năm 1956, cố Thủ tướng Nerhu đã tổ chức hội nghị thế giới tại New Delhi quy tụ các vị đại biểu của các nước theo Phật giáo để kỷ niệm 2500 năm Đức Phật nhập diệt. Với sự kiện trọng đại này, cùng với đại biểu của các quốc gia bạn, Hòa thượng Tổ Liên đã đại diện cho Phật giáo Việt Nam sang Ấn Độ tham dự hội nghị và Ngài trở về phổ biến tinh thần phục hồi Phật giáo Ấn Độ của cố Thủ tướng Nerhu đề xướng. Và đây chính là lần đầu tiên người dân Ấn Độ mới biết Phật

giáo, mới biết Đức Phật đã ra đời ở đất nước họ từ 2500 năm qua, mới biết sự hiện hữu của một đấng Toàn giác mà cả nhân loại phải kính ngưỡng. Và đây cũng là lần đầu tiên có một lễ quy y tập thể tổ chức tại Bồ đề đạo tràng cho nửa triệu người Ấn thuộc thành phần cùng đing được phước duyên sống theo lời dạy của Đức Phật.

Ý tưởng phục sinh Phật giáo Ấn Độ cũng từ đó được phát triển mạnh mẽ và rộng lớn, đã thúc đẩy chính phủ Ấn Độ quyết định thành lập Đại học Phật giáo ở Nalanda. Hòa thượng Thích Minh Châu lúc đó đã được Tổng hội Phật giáo Việt Nam gửi sang học ở Nalanda. 17 năm sau, tốt nghiệp học vị Tiến sĩ, Ngài đã trở về Việt Nam và phát triển tinh thần giáo dục theo Nalanda để thành lập Đại học Vạn Hạnh.

Có thể nói một số du học Tăng khác từ các nước Thái Lan, Tích Lan ... cũng xuất thân từ Đại học Nalanda ý thức được tinh thần hòa hợp giữa các nước theo Phật giáo, để từ đó tạo thành ý thức rộng lớn trong việc đóng góp cho công cuộc phục hưng Phật giáo Ấn Độ. Và sự hồi sinh Phật giáo Ấn Độ càng trở nên mãnh liệt hơn khi chính phủ Ấn Độ quyết định cấp đất cho các quốc gia theo Phật giáo đến xây dựng các ngôi chùa tiêu biểu cho Phật giáo của từng quốc gia tại Bồ đề đạo tràng. Đại diện cho Phật giáo Việt Nam là chùa Việt Nam Phật Quốc tự do Hòa thượng Huyền Diệu xây dựng đầu tiên tại nơi này. Sau đó, các nước theo Phật giáo cũng tuần tự xây dựng các ngôi chùa chung quanh Bồ đề đạo tràng.

Từ đó, khách hành hương khắp nơi trên thế giới mới tìm đến Bồ đề đạo tràng và người Ấn mới nhận thấy đây là một cơ hội tốt đẹp

cho họ tổ chức các chuyến du lịch văn hóa và tâm linh nơi đất Ấn; đồng thời, họ cũng tạo ra các sản phẩm mang tinh thần Phật giáo dùng làm kỷ vật lưu niệm cho khách hành hương. Ngày nay, số lượng khách hành hương đến chiêm bái Bồ đề đạo tràng và các Thánh tích Phật giáo Ấn Độ ngày càng nhiều hơn. Hiện nay, người dân Ấn quy y theo đạo Phật tuy có gia tăng, nhưng cũng chỉ là một con số quá khiêm tốn so với một tỷ dân Ấn Độ.

Tóm lại, với tinh thần phục hưng Phật giáo tại đất nước Ấn Độ ngày càng phát triển, chúng ta kỳ vọng trong tương lai, Phật giáo Ấn Độ sẽ tạo được nhiều điều kiện thuận lợi cho người dân Ấn tìm được lời dạy quý báu của Đức Phật để áp dụng trong cuộc sống của chính họ, giúp họ thăng hoa được đời sống tâm linh và phát triển được đời sống vật chất.

Ngoài ra, thiết nghĩ Tăng Ni và Phật tử khắp nơi trên thế giới cần rút ra bài học kinh nghiệm quá đắt của Phật giáo Ấn Độ xưa kia, rằng không bao giờ cho phép chúng ta rời khỏi tinh thần giải thoát của Đức Phật; vì xa rời nếp sống giải thoát là ngọn lửa châm ngòi cho sự bùng nổ mọi việc tranh chấp, dẫn đến những thảm họa và Phật giáo sẽ tự diệt vong. Chắc chắn đó không phải là con đường sáng suốt và từ bi của Đức Phật vạch ra cho tất cả hàng đệ tử nối bước dấu chân Ngài trên thế gian này.

Nguồn: Đạo Tràng Pháp Hoa chùa Huệ
Nghiêm

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Mối Dây Thân Ái

Visakha là một nữ đệ tử tục gia của Phật. Một hôm bà đến thăm Phật tại tịnh xá Kỳ viên với nước mắt ràn rụa. Đức Phật hỏi:

- Này Visakha! Sao hôm nay con có vẻ buồn thảm thế?

- Bạch Thế Tôn, con mới vừa mất đi một cháu trai dễ thương, không ai trông thấy cháu mà không mến yêu cho được.

- Này Visakha! Nếu như toàn thể cư dân thành Xá Vệ này là thân quyến của con... thì con cảm thấy thế nào?

- Bạch Thế Tôn, ước mong sao được như thế, con vẫn thầm mong rằng bất cứ người nào cũng đều là thân bằng quyến thuộc của mình.

- Nhưng này Visakha! Ở thành Xá Vệ này mỗi ngày có khoảng bao nhiêu người chết?

- Bạch Thế Tôn có lẽ khoảng hàng chục người...

- Nếu vậy thì... có ngày nào con được ráo nước mắt đâu?

- Bạch Thế Tôn! Thật là vừa đủ cho con với ngàn ấy cô cháu, con dì, chú bác nội ngoại... để mà sầu lo buồn khóc...

- Này Visakha! Những ai có 100 người thân, kẻ ấy có 100 mối sầu, những ai có 50 người thân, kẻ ấy có 50 nỗi lo buồn.. những ai không chấp thủ rằng đây là ta, đây là người thân của ta, kẻ ấy không có sự khổ. Ta xác nhận rằng đó là người không sầu, không tham đắm, không có ưu não. Và đức Thế Tôn liền đọc kệ:

*Sầu than với đau khổ
Sai biệt có ở đời
Do thân ái chúng có
Không thân ái chúng không
Do vậy người an lạc
Được không sầu không than
Chớ làm thân làm ái
Với một ai ở đời.*



Anh sẽ về thăm phố cũ

Tuệ sĩ

*Mười năm sau anh sẽ về thăm phố cũ
Màu Trường Sơn pha nắng rực trưa hè
Anh vẫn nhớ những con đường bụi đỏ
Và tình yêu trong ánh mắt rã rời*

Rừng Vạn Giã 77

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Phật Học Inc
7913 Rochelle Road
Louisville, KY 40228-2379

NON-PROFIT ORG.
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368

To: